

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 02/2022/DS-ST
Ngày 27 - 5 - 2022
v/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: và bà Tạ Thị Hải và ông Nay Y Nốt

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hải Biển – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay San – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2021/TLST – DS, ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1974. Có mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Z, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- *Bị đơn:* Ông Rơ Ô B, sinh năm 1973. Vắng mặt.

Nơi cư trú: buôn H, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Vào ngày 08/7/2021 tôi có cho ông Rơ Ô B vay số tiền 176.000.000 đồng. Thỏa thuận lãi suất theo quy định pháp luật là 20%/năm. Hẹn 01 tháng sau trả đủ. Mục đích vay để ông B trả nợ cho ngân hàng. Tuy nhiên, đến hẹn thì ông B không trả nợ cho tôi mà cứ khất hẹn mãi, mặc dù tôi đã đi đòi nhiều lần.

Nay tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện K buộc ông Rơ Ô B phải trả cho tôi số tiền nợ gốc 176.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay 08/7/2021 đến ngày giải quyết xong vụ án.

2. Trong đơn xin gia hạn, biên bản hòa giải ông Rơ Ô B trình bày:

Vào ngày 08/7/2021 tôi có vay của bà Phạm Thị H 176.000.000 đồng. Hẹn bà H 01 tháng sau trả cả gốc và lãi. Mục đích vay để trả nợ cho ngân hàng. Tuy nhiên, do sổ đỏ của tôi hết hạn sử dụng nên tôi chưa vay lại được, hiện nay đang làm lại thủ tục gia hạn sổ đỏ nhưng chưa làm xong. Nay tôi có quan điểm là mong bà H cho tôi gia hạn, khi nào tôi làm xong sổ đỏ, đi vay ngân hàng lại có tiền sẽ trả đầy đủ cho bà H theo đúng quy định pháp luật.

Vậy tôi kính mong Tòa án nhân dân huyện K và bà H xem xét và tạo điều kiện cho tôi được gia hạn trả nợ, tôi xin hứa trả đầy đủ cho bà H và chấp hành đúng pháp luật.

3. Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên toà Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX) đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên toà cho đến trước khi nghị án.

Phần nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm là: Vào ngày 08/7/2021 bà H có cho ông B vay số tiền 176.000.000 đồng. Hẹn 01 tháng sau trả đủ, mục đích vay để trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên đến hẹn thì ông B không trả nợ cho bà H mà cứ khát hẹn mãi, mặc dù bà đã đi đòi nhiều lần. Nay nguyên đơn bà H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K buộc ông B phải trả số tiền nợ gốc là 176.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay 08/7/2021 đến ngày giải quyết xong vụ án.

Đối với bị đơn ông B cũng thừa nhận vào ngày 08/7/2021 ông B có vay của bà H số tiền là 176.000.000 đồng, hẹn bà H 01 tháng sau trả, mục đích vay để trả nợ Ngân hàng, tuy nhiên do sổ đỏ đã hết hạn sử dụng nên chưa vay lại được, hiện nay đang làm lại thủ tục gia hạn sổ đỏ nhưng chưa làm xong. Nay ông B có quan điểm mong bà H cho gia hạn, khi nào làm xong sổ đỏ, đi vay Ngân hàng lại có tiền sẽ trả đầy đủ cho bà H theo đúng quy định của pháp luật.

Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Cho nên căn cứ vào chứng cứ, các lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án khẳng định giữa bà H và ông B có xác lập hợp đồng vay tài sản bằng văn bản cụ thể là có thật, các bên đã xác lập hợp đồng vay tài sản, có xác định thời hạn trả nợ và lãi suất.

Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 470 BLDS năm 2015.

Khi hết thời hạn mặc dù bà H đòi nhiều lần, nhưng ông B không chịu trả. Do vậy bà H khởi kiện yêu cầu ông B trả nợ số tiền nợ là 176.000.000đ đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 09/7/2021 đến ngày giải quyết xong vụ án là có cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật:

Từ các phân tích nêu trên, căn cứ Điều 21, 26, 58 59 BLTTDS và các Điều 275, 278, 280, 288, 463, 465, 466, 468, 470 BLDS.

Căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H buộc bị đơn ông B trả số tiền nợ gốc là 176.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 09/07/2021 đến ngày tòa án tuyên án sơ thẩm.

Về án phí: Ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án đã tạm nộp trước đây cho bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án

Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và nguyên đơn bà Phạm Thị H khởi kiện bị đơn ông Rơ ô B có nơi cư trú tại xã C, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng

Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp hợp lệ các văn bản tố tụng là quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho bị đơn ông Rơ Ô B nhưng ông B không đến tham gia phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc ông B nhận được các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến tham gia phiên tòa là đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình và còn gây khó khăn cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Do vậy HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX chỉ căn cứ vào kết quả của việc hỏi nguyên đơn tại phiên tòa và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để quyết định. Ông Rơ Ô B phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án

Căn cứ vào chứng cứ là 01 (Một) “Giấy vay tiền” được lập thành văn bản bằng giấy kẻ ô ly vào ngày 08/7/2021 có chữ ký của ông Rơ Ô B mà nguyên đơn bà Phạm Thị H đã cung cấp cho Tòa án, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có cơ sở để khẳng định ông B đã biết và thỏa thuận xác lập một hợp đồng vay tài sản số tiền là 176.000.000 đồng của bà H. Ông B hẹn trong vòng 01 tháng sẽ trả cả gốc và lãi. Nguyên đơn và bị đơn không phản đối tình tiết này vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX công nhận tình tiết này là sự thật.

Xét hợp đồng trên là một hợp đồng dân sự được giao kết hợp pháp, nên phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Khi đến thời hạn trả nợ cho bà H nhưng ông B không thực hiện việc trả tiền cho bà H (mặc dù bà H đã thông báo và đến đòi nhiều lần) là vi phạm về nghĩa vụ dân sự đã cam kết được quy định tại các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 288, 351, 357 của Bộ luật dân sự 2015. Nên việc khởi kiện của nguyên đơn bà H là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Xét quan điểm của bị đơn ông B công nhận có vay nợ của bà H số tiền 176.000.000 đồng, nhưng ông B cho rằng do chưa làm xong thủ tục gia hạn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chưa vay được tiền ngân hàng để trả cho bà H được mà hẹn đợi làm xong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đi vay ngân hàng lại có tiền sẽ trả đầy đủ cho bà H theo đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên quan điểm của ông B không được nguyên đơn bà H đồng ý. Do đó HĐXX không có căn cứ để chấp nhận đề nghị này của ông B.

Về yêu cầu tính lãi: tại thời điểm cho vay tiền thì giữa bà H và ông B thỏa thuận tính lãi theo pháp luật là 20%/năm, quá trình giải quyết vụ án ông B không phản đối tình tiết này, tính đến thời điểm xét xử thì ông B cũng chưa trả được tiền lãi nào cho bà H. Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa thì nguyên đơn bà H vẫn yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật là phù hợp nên cần được chấp nhận. Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi nên tiền lãi cụ thể ông B phải trả cho bà H là:

Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả: $176.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 01 \text{ tháng (ngày 09/7/2021 đến ngày 07/8/2021)} = 2.921.600 \text{ đồng}$.

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: $176.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 150\% \times 09 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} = 42.363.200 \text{ đồng}$.

Tổng tiền lãi là: $2.921.600 \text{ đồng} + 42.363.200 \text{ đồng} = 45.284.800 \text{ đồng}$ (Bốn mươi lăm triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn tám trăm đồng).

Từ đánh giá và nhận định trên, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H, xử buộc bị đơn ông B phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà H 176.000.000 đồng (tiền nợ gốc) + 45.284.800 đồng (tiền lãi trong hạn và quá hạn) = 221.284.800 đồng (Hai trăm hai mươi một triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn tám trăm đồng).

[5] *Về án phí:* Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà H được chấp nhận nên bị đơn ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 40; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 288, 351, 357, 430, 440, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự 2015,

- Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

I. Buộc bị đơn ông Rơ Ô B phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị H 176.000.000 đồng (tiền nợ gốc) + 45.284.800 đồng (tiền lãi trong hạn và quá hạn) = 221.284.800 đồng (*Hai trăm hai mươi một triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn tám trăm đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

2. Về án phí: Buộc bị đơn ông Rơ Ô B phải có nghĩa vụ nộp 221.284.800 đồng x 5% = 11.064.240 đồng (*Mười một triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị H toàn bộ số tiền đã tạm nộp án phí trước đây là 4.400.000 đồng (*Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0004792 ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/5/2022), còn bị đơn ông Rơ Ô B vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02 bản);
- Tòa án nhân dân t. Gia lai (01 bản);
- VKSND h. K (03 bản);
- Chi cục THADS h. K (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP (02 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Khắc Toàn